

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2010/TT-BGDĐT

*Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2010***THÔNG TƯ****Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo,
đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo
các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.

2. Văn bản này áp dụng đối với các đại học, học viện, trường đại học, viện nghiên cứu khoa học (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo), các sở giáo dục và đào tạo, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Điều kiện được xem xét để cấp phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ

Các đại học, học viện, các trường đại học được xem xét để cấp phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ khi bảo đảm các điều kiện sau đây:

1. Đã đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy ngành tương ứng với ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ và có ít nhất 2 khóa sinh viên đã tốt nghiệp.

2. Không vi phạm các quy định hiện hành về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ ở các ngành hoặc chuyên ngành đang đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật trong thời hạn 3 năm tính đến ngày cơ sở đào tạo đề nghị cho phép đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ.

3. Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ ở ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo, cụ thể:

a) Giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trở lên tham gia giảng dạy ít nhất 70% chương trình đào tạo. Đối với phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành, giảng viên tham gia giảng dạy lý thuyết phải có trình độ tiến sĩ;

b) Có ít nhất 5 giảng viên cơ hữu có bằng tiến sĩ cùng ngành đề nghị cho phép đào tạo, trong đó có ít nhất 3 người cùng chuyên ngành.

4. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo ngành hoặc chuyên ngành ở trình độ thạc sĩ, cụ thể:

a) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu của ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo;

b) Thư viện có phòng tra cứu thông tin cung cấp các nguồn thông tin tư liệu (sách, giáo trình và tạp chí trong và ngoài nước) được xuất bản trong 5 năm trở lại đây, đáp ứng yêu cầu dạy, học các học phần trong chương trình đào tạo và thực hiện đề tài luận văn;

c) Có website của cơ sở đào tạo được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục, công khai thu chi tài chính.

5. Cơ sở đào tạo có năng lực, kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học ở lĩnh vực của ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo; các giảng viên tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ đã và đang chủ trì các đề tài khoa học từ cấp Bộ hoặc tương đương trở lên ở ngành hoặc chuyên ngành đề nghị

cho phép đào tạo. Mỗi giảng viên là tiến sĩ có ít nhất 3 công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có trong danh mục của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước quy định trong 5 năm trở lại đây tính đến ngày cơ sở đào tạo đề nghị cho phép đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ.

6. Có chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo của ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo, được xây dựng theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Tên ngành hoặc chuyên ngành đào tạo có trong Danh mục ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trường hợp tên ngành hoặc chuyên ngành đào tạo chưa có trong Danh mục, cơ sở đào tạo phải trình bày luận cứ khoa học về ngành hoặc chuyên ngành đào tạo mới đã được Hội đồng khoa học đào tạo của cơ sở đào tạo thông qua; thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo của một số nước trên thế giới, kèm theo chương trình đào tạo tham khảo của một số trường đại học đã được kiểm định ở nước ngoài.

7. Có đơn vị quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ; đã xây dựng quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo.

8. Ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, khu vực và quốc gia.

Điều 3. Điều kiện được xem xét để cấp phép đào tạo các chuyên ngành trình độ tiến sĩ

1. Các đại học, học viện, các trường đại học được xem xét để cấp phép đào tạo các chuyên ngành ở trình độ tiến sĩ khi bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Đã đào tạo trình độ thạc sĩ ngành hoặc chuyên ngành tương ứng với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, có ít nhất 2 khóa học viên đã tốt nghiệp;

b) Không vi phạm các quy định hiện hành về tuyển sinh, tổ chức, quản lý đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ ở các ngành hoặc chuyên ngành đang đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật trong thời hạn 3 năm tính đến ngày cơ sở đào tạo đề nghị cho phép đào tạo chuyên ngành trình độ tiến sĩ;

c) Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ ở chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo, cụ thể:

- Có khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, có khả năng phát hiện vấn đề nghiên cứu, hướng dẫn, chỉ đạo nghiên cứu sinh xây

dựng đề cương nghiên cứu đề tài luận án, hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện đề tài luận án, viết luận án và tham gia Hội đồng chấm luận án tiến sĩ;

- Có ít nhất 01 giáo sư hoặc phó giáo sư và 4 tiến sĩ cùng ngành là cán bộ cơ hữu của cơ sở đào tạo, trong đó có 3 người cùng chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo;

d) Có đủ khả năng và điều kiện để thành lập hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ và tổ chức đánh giá luận án theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành;

đ) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo trình độ tiến sĩ, cụ thể:

- Có đủ phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu với trang thiết bị cần thiết bảo đảm để nghiên cứu sinh có thể triển khai thực hiện đề tài luận án; có chỗ làm việc dành riêng cho người hướng dẫn và nghiên cứu sinh;

- Thư viện có đủ nguồn thông tin tư liệu và phương tiện để nghiên cứu sinh tìm hiểu, tra cứu khi thực hiện đề tài luận án, viết luận án như sách, giáo trình, tạp chí khoa học trong và ngoài nước, thư viện điện tử có thể liên kết với các cơ sở đào tạo cùng lĩnh vực, cùng chuyên ngành đào tạo trong và ngoài nước;

- Có website của cơ sở đào tạo được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục, công khai thu chi tài chính;

e) Cơ sở đào tạo đã thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, trong đó có ít nhất 5 nhiệm vụ nghiên cứu thuộc đề tài khoa học cấp nhà nước, bộ, ngành, tỉnh, thành phố hoặc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học có chất lượng cao hoặc tương đương.

Có kinh nghiệm trong đào tạo, bồi dưỡng những người làm công tác nghiên cứu khoa học; thường xuyên tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học chuyên ngành.

Các giảng viên tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ đã và đang chủ trì các đề tài khoa học từ cấp Bộ hoặc tương đương trở lên ở chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo. Mỗi giảng viên là tiến sĩ có ít nhất 3 công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có trong danh mục của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước quy định trong 5 năm trở lại đây tính đến ngày cơ sở đào tạo đề nghị cho phép đào tạo chuyên ngành trình độ tiến sĩ;

g) Đã hợp tác với các trường đại học trên thế giới trong hoạt động đào tạo và hoạt động khoa học công nghệ;

h) Có chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo của chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo, được xây dựng theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Tên chuyên ngành đào tạo có trong Danh mục chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trường hợp tên chuyên ngành đào tạo chưa có trong Danh mục, cơ sở đào tạo phải trình bày luận cứ khoa học về chuyên ngành đào tạo mới đã được Hội đồng khoa học đào tạo của cơ sở đào tạo thông qua; thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo của một số nước trên thế giới, kèm theo chương trình đào tạo tham khảo của một số trường đại học đã được kiểm định ở nước ngoài;

i) Có đơn vị quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý hoạt động đào tạo trình độ tiến sĩ; đã xây dựng quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo.

2. Các viện nghiên cứu khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành đầu tiên khi bảo đảm các điều kiện quy định tại điểm c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều này. Từ chuyên ngành thứ hai ngoài việc bảo đảm các điều kiện quy định đối với chuyên ngành đầu tiên thì phải bảo đảm điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ khi cơ sở đào tạo bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 2, Điều 3 của Thông tư này.

2. Việc cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành ở trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ trong những trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét quyết định.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ

Khi có đủ các điều kiện được phép đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 2, Điều 3 của Thông tư này, cơ sở đào tạo xây dựng hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo, bao gồm:

1. Tờ trình đề nghị cho phép đào tạo ngành hoặc chuyên ngành ở trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo (Phụ lục I).

2. Đề án đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ được xây dựng theo quy định tại Phụ lục II, bao gồm các nội dung: Sự cần thiết phải xây dựng đề án; những căn cứ để lập đề án; mục tiêu đào tạo, đối tượng tuyển sinh; năng lực của cơ sở đào tạo; chương trình và kế hoạch đào tạo của ngành hoặc chuyên ngành đăng ký đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ và các minh chứng kèm theo.

3. Biên bản thông qua hồ sơ của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của cơ sở đào tạo.

4. Biên bản kiểm tra các điều kiện về đội ngũ giảng viên cơ hữu, về trang thiết bị, thư viện phục vụ đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ của sở giáo dục và đào tạo.

5. Biên bản thẩm định chương trình đào tạo của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo của chính cơ sở đào tạo hoặc của một cơ sở đào tạo có uy tín do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định.

Hồ sơ được lập thành 3 bộ đối với trình độ thạc sĩ và 4 bộ đối với trình độ tiến sĩ.

Điều 6. Quy trình xem xét cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ

1. Cơ sở đào tạo gửi 03 bộ hồ sơ đến sở giáo dục và đào tạo, nơi cơ sở đào tạo đóng trụ sở, đề nghị kiểm tra và xác nhận các điều kiện thực tế về đội ngũ giảng viên cơ hữu, thiết bị phục vụ đào tạo, thư viện. Đồng thời, gửi công văn đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tự tổ chức thẩm định chương trình đào tạo hoặc đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định một cơ sở đào tạo có uy tín thẩm định chương trình đào tạo.

2. Kiểm tra và xác nhận các điều kiện thực tế

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, giám đốc sở giáo dục và đào tạo ra quyết định thành lập đoàn kiểm tra. Đoàn kiểm tra gồm: 01 đại diện ban giám đốc sở giáo dục và đào tạo (Trưởng đoàn), 01 đại diện lãnh đạo phòng tổ chức cán bộ và 01 chuyên viên (làm nhiệm vụ thư ký).

Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra, đối chiếu các nội dung kê khai trong hồ sơ với các điều kiện thực tế như: bảng lương của trường; sổ bảo hiểm của giảng viên; văn bằng, chứng chỉ của giảng viên; trang thiết bị; thư viện phục vụ đào tạo ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo và lập biên bản kiểm tra.

Biên bản kiểm tra phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của trưởng đoàn kiểm tra và của thủ trưởng cơ sở đào tạo, đóng dấu của sở giáo dục và đào tạo và của cơ sở đào tạo. Biên bản kiểm tra được lập thành 06 bản. Sở giáo dục và đào tạo lưu 01 bản, cơ sở

đào tạo lưu 01 bản và gửi 04 bản kèm theo hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ của cơ sở.

Căn cứ vào biên bản kiểm tra, giám đốc sở giáo dục và đào tạo xác nhận các điều kiện thực tế vào các bảng biểu báo cáo về năng lực của cơ sở đào tạo ở Phụ lục III trong hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo.

3. Thẩm định chương trình đào tạo

Sau khi nhận được ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tự tổ chức thẩm định chương trình đào tạo hoặc chỉ định một cơ sở đào tạo có uy tín để thẩm định chương trình đào tạo, cơ sở đào tạo tiến hành thực hiện các công việc sau:

a) Nếu cơ sở đào tạo được phép tự tổ chức thẩm định chương trình đào tạo, thủ trưởng cơ sở đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức họp Hội đồng thẩm định để thẩm định chương trình đào tạo của cơ sở mình;

b) Nếu cơ sở đào tạo không được phép tự tổ chức thẩm định, cơ sở đào tạo gửi 5 bộ chương trình đào tạo đến cơ sở đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định để thẩm định chương trình đào tạo. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày cơ sở được chỉ định làm nhiệm vụ thẩm định nhận được chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định, thủ trưởng cơ sở đào tạo được chỉ định làm nhiệm vụ thẩm định ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức họp Hội đồng thẩm định để thẩm định chương trình đào tạo.

c) Hội đồng thẩm định gồm 5 thành viên gồm các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ hoặc tiến sĩ khoa học thuộc ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ. Hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch, hai phản biện, thư ký và ủy viên.

d) Nội dung và cách thức tiến hành phiên họp của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo được quy định tại Phụ lục VI của Thông tư này.

Sau khi nghe đại diện của cơ sở đào tạo có ngành hoặc chuyên ngành cần thẩm định trình bày báo cáo, các thành viên hội đồng đặt câu hỏi, cơ sở đào tạo giải trình, các thành viên hội đồng thảo luận và bỏ phiếu kín.

Hội đồng thẩm định lập biên bản thẩm định. Biên bản thẩm định phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của Chủ tịch hội đồng thẩm định, thư ký hội đồng và đóng dấu của cơ sở đào tạo. Biên bản thẩm định được lập thành 06 bản. Cơ sở đào tạo nơi thành lập hội đồng thẩm định lưu 01 bản, gửi cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định 05 bản (lưu 01 bản và 04 bản kèm theo hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo).

Thủ trưởng cơ sở đào tạo được chỉ định làm nhiệm vụ thẩm định xác nhận vào biên bản của Hội đồng thẩm định và vào chương trình đào tạo ở Phụ lục IV trong hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo.

4. Kinh phí để sở giáo dục và đào tạo thực hiện kiểm tra và kinh phí tổ chức thẩm định của Hội đồng thẩm định do cơ sở đào tạo đề nghị cho phép đào tạo chi trả theo quy định hiện hành.

5. Sau khi thực hiện các quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, cơ sở đào tạo đề nghị cho phép đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ gửi Hồ sơ đến Bộ Giáo dục và Đào tạo.

a) Việc xem xét hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ được thực hiện trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày mùng 1 của tháng 3, tháng 6 và tháng 9 hàng năm.

- Nếu hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo của cơ sở đào tạo bảo đảm các điều kiện và đạt yêu cầu theo quy định, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định cho phép đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.

- Nếu hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo của cơ sở đào tạo bảo đảm các điều kiện theo quy định, nhưng vẫn còn một số nội dung cần phải hoàn thiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho cơ sở đào tạo kết quả thẩm định và những nội dung cần hoàn thiện.

- Nếu hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo của cơ sở đào tạo chưa đáp ứng các điều kiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản tình trạng hồ sơ và đề nghị cơ sở đào tạo cần tiếp tục chuẩn bị các điều kiện.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tổ chức thẩm định lại tại cơ sở đào tạo.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện của cơ sở đào tạo (đối với những hồ sơ được thông báo cần hoàn thiện), nếu hồ sơ đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định cho phép đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.

Điều 7. Đình chỉ tuyển sinh ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ

1. Cơ sở đào tạo bị đình chỉ tuyển sinh ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a) Không bảo đảm một trong các điều kiện được phép đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 2, Điều 3 của Thông tư này;

- b) Không tuyển sinh được trong 3 năm liên tiếp;
- c) Tổ chức tuyển sinh và đào tạo ngoài địa điểm đã được phép đào tạo trình độ thạc sĩ;
- d) Vi phạm quy định của pháp luật về giáo dục bị xử phạt vi phạm hành chính ở mức độ phải đình chỉ;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định đình chỉ tuyển sinh ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ phải xác định rõ lý do đình chỉ tuyển sinh, thời hạn đình chỉ tuyển sinh, các biện pháp cụ thể đảm bảo quyền lợi của học viên, giảng viên.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định đình chỉ tuyển sinh.

4. Sau thời hạn đình chỉ tuyển sinh, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ tuyển sinh được khắc phục thì Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép cơ sở đào tạo được tuyển sinh trở lại.

Điều 8. Thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ

1. Cơ sở đào tạo bị thu hồi quyết định cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có hành vi gian lận để được phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;
- b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về quản lý, tổ chức, đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;
- c) Hết thời hạn đình chỉ tuyển sinh ngành hoặc chuyên ngành đào tạo mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ tuyển sinh;
- d) Không đạt tiêu chuẩn tại các kỳ kiểm định chất lượng (kiểm định cơ sở đào tạo, kiểm định chương trình đào tạo) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- đ) Vi phạm quy định của pháp luật về giáo dục bị xử phạt vi phạm hành chính ở mức độ phải thu hồi;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định thu hồi quyết định cho phép đào tạo phải xác định rõ lý do thu hồi, các biện pháp cụ thể đảm bảo quyền lợi của học viên, giảng viên.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thu hồi quyết định cho phép đào tạo.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo

1. Đảm bảo tính trung thực, chính xác của hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.
2. Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, minh chứng khi đoàn kiểm tra hoặc hội đồng thẩm định yêu cầu.
3. Tổ chức tự kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật và chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chức năng có thẩm quyền về các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ của cơ sở.
4. Đối với các cơ sở đào tạo được phép tự tổ chức thẩm định chương trình đào tạo của cơ sở mình, phải thực hiện nghiêm túc quy trình thẩm định; phải thực hiện thẩm định khách quan, trung thực và chịu trách nhiệm về sự chính xác của các kết quả thẩm định chương trình đào tạo.
5. Thủ trưởng cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm về các điều kiện bảo đảm chất lượng cho hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ của cơ sở mình.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền của sở giáo dục và đào tạo

1. Tổ chức kiểm tra và xác nhận các điều kiện thực tế về đội ngũ giảng viên cơ hữu, trang thiết bị phục vụ đào tạo, thư viện khi các cơ sở đào tạo đề nghị.
2. Được quyền xem xét các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến đội ngũ giảng viên cơ hữu, trang thiết bị phục vụ đào tạo, thư viện của cơ sở đào tạo và được quyền yêu cầu cơ sở đào tạo cung cấp các tài liệu, thông tin liên quan.
3. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của các kết quả kiểm tra thực tế tại cơ sở đào tạo.
4. Chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chức năng có thẩm quyền về kết quả kiểm tra các điều kiện thực tế của các cơ sở đào tạo.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền của cơ sở đào tạo được chỉ định thẩm định chương trình đào tạo

1. Thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ của các cơ sở đào tạo theo đúng quy định hiện hành khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định.
2. Được quyền xem xét các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc xây dựng chương trình đào tạo và được quyền yêu cầu cơ sở đào tạo cung cấp các tài liệu, thông tin liên quan.

3. Thực hiện thẩm định khách quan, trung thực. Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định chương trình đào tạo.

4. Chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chức năng có thẩm quyền về kết quả thẩm định chương trình đào tạo.

Điều 12. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

Vụ Giáo dục Đại học chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục và các đơn vị liên quan:

1. Tổ chức xem xét hồ sơ và các điều kiện đề nghị cho phép đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ của các cơ sở đào tạo.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện nhiệm vụ đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, tiến sĩ theo kế hoạch, đảm bảo chất lượng.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc kiểm tra và xác nhận các điều kiện của các sở giáo dục và đào tạo, việc thẩm định chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo được chỉ định làm nhiệm vụ thẩm định.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 02 năm 2011.

2. Bãi bỏ Điều 4, Điều 5 của Quyết định số 45/2008/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ; Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ.

3. Các quy định trước đây trái với quy định tại Thông tư này đều bị bãi bỏ.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, các đại học, học viện, trường đại học, viện nghiên cứu khoa học, sở giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Phạm Vũ Luận

Phụ lục I**TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH
HOẶC CHUYÊN NGÀNH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

*(Kèm theo Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

BỘ, NGÀNH (Cơ quan chủ quản nếu có)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO:	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:, ngày.... tháng.... năm.....

TỜ TRÌNH**ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ/TIẾN SĨ**

Ngành hoặc chuyên ngành:

Mã số:

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Trình bày lý do đề nghị cho phép đào tạo:

- Trình bày kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ của ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo đối với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, thành phố, khu vực nơi cơ sở đào tạo đóng trụ sở.

- Phân tích, đánh giá sự phù hợp của nhu cầu này với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, khu vực, quốc gia.

2. Giới thiệu ngắn gọn về cơ sở đào tạo:

- Năm thành lập, quá trình hình thành và phát triển;

- Những ngành, chuyên ngành đã được đào tạo ở trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ, đội ngũ giảng viên, số sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh đã tốt nghiệp, quy mô hiện tại; trình bày kỹ hơn về các nội dung trên đối các ngành gần, cùng nhóm ngành với ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo;

- Về Khoa hay đơn vị chuyên môn sẽ trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo.

3. Về ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và chương trình đào tạo:

* Ghi rõ tên ngành hoặc chuyên ngành đào tạo đề nghị cho phép đào tạo, tên chương trình đào tạo trình độ đào tạo (thạc sĩ hay tiến sĩ).

- Nếu sử dụng chương trình của một trường đại học khác, cần nêu rõ là chương trình của trường đại học nào, kèm theo bản sao chương trình gốc của trường đó và khả năng của cơ sở đào tạo khi thực hiện chương trình này.

- Nếu sử dụng chương trình của nước ngoài (kể cả trường hợp ngành đăng ký đào tạo đã có trong Danh mục) cần nêu rõ là chương trình của trường đại học nào, nước nào và kèm theo bản sao chương trình gốc của trường nước ngoài; khả năng của cơ sở đào tạo khi thực hiện chương trình này.

* Tóm tắt về chương trình đào tạo: tổng số tín chỉ, thời gian đào tạo đối với chương trình đào tạo.

* Tóm tắt khả năng đáp ứng của cơ sở đào tạo về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, nguồn thông tin tư liệu v.v...

* Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 5 năm đầu của ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo.

* Tóm tắt về quá trình xây dựng chương trình đào tạo và chuẩn bị đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất (phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, tài liệu, sách tham khảo...) phục vụ cho chương trình đào tạo mới.

4. Kết luận và đề nghị, trong đó cần khẳng định toàn bộ nội dung hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo đã được đưa lên trang web của cơ sở đào tạo tại địa chỉ: <http://www....>

Đề nghị: ...

Nơi nhận:

-
-
- Lưu:.....

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục II
ĐỀ ÁN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP ĐÀO TẠO
NGÀNH HOẶC CHUYÊN NGÀNH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ,
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

*(Kèm theo Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Nội dung của Đề án

Phần 1. Sự cần thiết phải xây dựng đề án

- Giới thiệu một vài nét về cơ sở đào tạo
- Trình bày kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ của ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo đối với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, thành phố, khu vực nơi cơ sở đào tạo đóng trụ sở. Phân tích, đánh giá sự phù hợp của nhu cầu này với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, khu vực, quốc gia.
- Kết quả đào tạo trình độ đại học, kết quả đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ đối với những ngành hoặc chuyên ngành đang đào tạo của cơ sở đào tạo;
- Giới thiệu kỹ về Khoa hay đơn vị chuyên môn sẽ trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo.
- Lý do đề nghị cho phép ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.

Phần 2. Mục tiêu đào tạo, đối tượng tuyển sinh

- Những căn cứ để lập đề án.
- Mục tiêu đào tạo (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể).
- Thời gian đào tạo.
- Đối tượng tuyển sinh (Yêu cầu đối với người dự tuyển: văn bằng, ngành học, loại tốt nghiệp, kinh nghiệm công tác)
- Danh mục các ngành gần, ngành phù hợp với ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo.
- Danh mục các môn học bổ sung kiến thức.
- Dự kiến quy mô tuyển sinh
- Dự kiến mức học phí/người học/năm
- Yêu cầu đối với người tốt nghiệp.

Phần 3. Năng lực của cơ sở đào tạo

1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu (giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ), mẫu 1 Phụ lục III
2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo
 - Thiết bị phục vụ đào tạo, mẫu 2 Phụ lục III.
 - Thư viện, mẫu 3 Phụ lục III.
3. Hoạt động nghiên cứu khoa học
 - Đề tài khoa học đã thực hiện, mẫu 4 Phụ lục III.
 - Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn, luận án, mẫu 5 Phụ lục III.
 - Các công trình đã công bố của cán bộ cơ hữu, mẫu 6 Phụ lục III.
4. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Phần 4. Chương trình và kế hoạch đào tạo

- Chương trình đào tạo trình bày theo quy định ở Phụ lục IV.
- Dự kiến kế hoạch đào tạo

Phụ lục: Các tài liệu và minh chứng kèm theo

- Các quyết định về việc cho phép đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ của ngành hoặc chuyên ngành tương ứng với ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo.

- Các biên bản thông qua hồ sơ của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của cơ sở đào tạo, biên bản kiểm tra của sở giáo dục và đào tạo, biên bản của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo.

- Dự thảo quy định về tuyển sinh, quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ (đối với ngành hoặc chuyên ngành đầu tiên đề nghị cho phép đào tạo) của cơ sở đào tạo.

- Lý lịch khoa học của đội ngũ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ (mẫu Phụ lục IV)

Lưu ý: Đề án được xây dựng trên cơ sở kết quả các nghiên cứu khảo sát về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực ở địa phương, khu vực, quốc gia đối với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của ngành, tỉnh, thành phố nơi cơ sở đào tạo đóng trụ sở và tổ chức các hội thảo với sự tham gia của các giảng viên, các nhà khoa học, cán bộ quản lý, các nhà tuyển dụng, đại diện doanh nghiệp có liên quan đến ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo.

Phụ lục III
NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

*(Kèm theo Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. Các quyết định về việc cho phép đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ của ngành hoặc chuyên ngành tương ứng với ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo:

1. Quyết định phép đào tạo trình độ đại học ngành... (đối với đề nghị cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ).

2. Quyết định phép đào tạo trình độ thạc sĩ ngành, chuyên ngành... (đối với đề nghị cho phép đào tạo trình độ tiến sĩ).

II. Các điều kiện bảo đảm chất lượng

Mẫu 1: Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ/trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 2: Thiết bị phục vụ cho đào tạo

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 3: Thư viện

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên liên quan đến ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 5: Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn, luận án và số lượng học viên, NCS có thể tiếp nhận

Số TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, học hàm người có thể hướng dẫn học viên cao học, NCS	Số lượng học viên cao học, NCS có thể tiếp nhận

Thủ trưởng cơ sở đào tạo

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 6: Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo của cơ sở đào tạo trong 5 năm trở lại đây (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố

Thủ trưởng cơ sở đào tạo

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Kèm theo Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ

Được trình bày theo trình tự sau:

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo: nêu khái quát những kiến thức, kỹ năng đào tạo, trình độ và năng lực chuyên môn (lý thuyết, thực hành), vị trí hay công việc có thể đảm nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp.

2. Yêu cầu đối với người dự tuyển: quy định về văn bằng, ngành học, loại tốt nghiệp, kinh nghiệm nghề nghiệp của người dự tuyển.

3. Điều kiện tốt nghiệp: quy định về thời gian phải tập trung học tập, số học phần hoặc số tín chỉ ít nhất người học phải hoàn thành (bao gồm cả luận văn) theo quy định.

4. Chương trình đào tạo:

a) Khái quát chương trình: nêu rõ số học phần và số tín chỉ ít nhất học viên phải hoàn thành để được xét tốt nghiệp, bao gồm:

- Phần kiến thức chung;
- Phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành:
 - + Các học phần bắt buộc: tổng số tín chỉ bao gồm lý thuyết và thực hành;
 - + Các học phần tự chọn: tổng số tín chỉ bao gồm lý thuyết và thực hành.
- Luận văn: tổng số tín chỉ, yêu cầu của luận văn.

b) Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo: liệt kê toàn bộ các học phần thuộc nội dung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo các đề mục: mã số học phần, tên học phần, khối lượng tính bằng tín chỉ (lý thuyết; thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận). Riêng học phần ngoại ngữ cần ghi rõ tên ngoại ngữ.

Mã số học phần do cơ sở đào tạo xây dựng nhằm phục vụ cho việc quản lý chương trình đào tạo. Có thể dùng chữ và số hoặc số để mã hóa học phần, số ký tự mã hóa do cơ sở đào tạo quy định.

Theo thông lệ ở nhiều nước, mã số môn học gồm 2 phần: phần chữ và phần số. Phần chữ gồm 4 chữ cái, 2 chữ cái đầu tiên viết tắt tên chuyên ngành, hai chữ cái sau viết tắt tên môn học. Ví dụ như:

*Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo
trình độ thạc sĩ chuyên ngành Y tế công cộng*

Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL
YCTH	501	Phần kiến thức chung Triết học	3	2	1
...
		Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành			
		<i>Các học phần bắt buộc</i>	<i>(50% thời lượng CTĐT, trong đó có học phần triết học)</i>		
YCDT	512	Nguyên lý dịch tễ học	3	2	1
YCTK	514	Thống kê sinh học	3	2	1
...
...
		<i>Các học phần lựa chọn</i>	<i>(30% thời lượng CTĐT)</i>		
YCDD	525	Dinh dưỡng học lâm sàng	2	1	1
...
...
		Luận văn	10 (20% thời lượng CTĐT)		
		Tổng cộng:	50		

Trong đó YC là viết tắt của Y tế công cộng, TH - Triết học, DT-dịch tễ, TK-Thống kê, DD-dinh dưỡng..v.v

Phần số thường gồm 3 chữ số: chữ số thứ nhất (hàng trăm), từ 5 trở lên là mã số các học phần thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ, từ 6 trở lên là mã số các học phần thuộc chương trình đào tạo tiến sĩ. Hai chữ số sau (hàng chục và hàng đơn vị) là thứ tự các học phần do cơ sở đào tạo quy định. Những học phần của cùng bộ môn hay thuộc nhóm môn gần thì đánh số gần nhau. Những học phần chung cho nhiều chuyên ngành với khối lượng và nội dung như nhau thì mang cùng mã số.

c) Đề cương của các học phần: mỗi học phần được liệt kê ở bảng danh mục các học phần trong chương trình đào tạo, các học phần đều phải có đề cương chi tiết học phần trình bày theo trình tự sau:

- Mã số, tên học phần tổng tín chỉ (số TC lý thuyết, số TC thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận)

Ví dụ: YCDT 502 Nguyên lý dịch tễ học 3(2,1), có nghĩa tổng khối lượng môn học là 3 tín chỉ; lý thuyết 2 TC; thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận 1 TC.

- Bộ môn phụ trách giảng dạy.

- Mô tả học phần: trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần (đã học ở đại học chưa, đã học gì, ở trình độ thạc sĩ sẽ học gì, vị trí của học phần này trong CTĐT), kiến thức sẽ trang bị cho học viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.

- Mục tiêu học phần: nêu mục tiêu cần đạt được đối với người học sau khi học học phần đó (về mặt lý thuyết, thực hành). Cách thức xây dựng như chuẩn đầu ra.

- Nội dung học phần: trình bày các chương, mục trong chương và nội dung khái quát. Trong từng chương ghi số tiết giảng lý thuyết, bài tập, thực hành (hoặc thí nghiệm, thảo luận). Để học viên có thể tự học được, cần chỉ rõ để học chương này cần phải đọc những tài liệu tham khảo nào, ở đâu.

- Phần tài liệu tham khảo: ghi rõ những sách, tạp chí và tư liệu thông tin liên quan đến học phần.

- Phương pháp đánh giá học phần, trong đó quy định số lần kiểm tra, bài tập hoặc tiểu luận, thi, số bài thực hành, trọng số của mỗi lần đánh giá.

**Thủ trưởng cơ sở thẩm định
chương trình đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)**

**Thủ trưởng cơ sở đào tạo đề nghị
cho phép đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)**

Lưu ý: Trong quá trình thực hiện chương trình, cứ 2 năm/1 lần cơ sở đào tạo điều chỉnh, bổ sung các học phần trong chương trình đào tạo của cơ sở mình. Mỗi lần điều chỉnh, bổ sung các học phần trong chương trình đào tạo phải được hội đồng khoa học - đào tạo của cơ sở thông qua và phải lưu giữ hồ sơ tại phòng (khoa) sau đại học của cơ sở và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

Chương trình đào tạo gồm 3 phần:

Phần 1. Các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung là các học phần giúp nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của nghiên cứu sinh

Phần 2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

- Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lí thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 3 đến 5 học phần với khối lượng từ 8 đến 12 tín chỉ thuộc trình độ tiến sĩ được xây dựng như hướng dẫn ở mục I, bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần lựa chọn, trong đó các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành. Các học phần lựa chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài nghiên cứu sinh hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết bài báo khoa học.

- Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của nghiên cứu sinh, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 2 đến 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng từ 4 đến 6 tín chỉ, được xây dựng theo trình tự sau: mục đích của chuyên đề, các nội dung cần đạt được khi viết chuyên đề này, cuối cùng là tài liệu tham khảo.

- Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết. Cần quy định rõ số trang của bài tiểu luận tổng quan.

Lưu ý:

1) Khi xây dựng chương trình đào tạo cần phải tổ chức hội thảo lấy ý kiến rộng rãi của các giảng viên, các nhà khoa học, cán bộ quản lý, các nhà tuyển dụng, đại diện doanh nghiệp có liên quan đến ngành, chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo.

2) Chương trình đào tạo này phải được Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo thông qua.

Phần 3. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

Xây dựng theo các quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ./.

**Thủ trưởng cơ sở thẩm định
chương trình đào tạo**
(Ký tên, đóng dấu)

**Thủ trưởng cơ sở đào tạo đề nghị
cho phép đào tạo**
(Ký tên, đóng dấu)

- 3. Ngoại ngữ:** 1. Mức độ sử dụng:
2. Mức độ sử dụng:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

2. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí

Xác nhận của cơ quan

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

Phụ lục VI**PHIÊN HỌP THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Kèm theo Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Nội dung thẩm định chương trình đào tạo

Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo theo các nội dung sau:

- Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo;
- Mục tiêu của chương trình đào tạo;
- Cấu trúc chương trình đào tạo;
- Thời lượng của chương trình đào tạo;
- Nội dung của chương trình đào tạo: đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước;
- Đề cương chi tiết của học phần/môn học: mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.

II. Các bước tiến hành

1. Cơ sở đào tạo đề nghị cho phép đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ trình bày tóm tắt các căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo; mục tiêu của chương trình đào tạo; cấu trúc chương trình đào tạo; thời lượng của chương trình đào tạo; nội dung của chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần và các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo.

2. Hai thành viên phản biện của Hội đồng thẩm định đọc nhận xét và đặt câu hỏi.

Các thành viên của Hội đồng thẩm định đặt câu hỏi.

3. Đại diện cơ sở đào tạo trả lời và giải trình.

4. Chương trình đào tạo được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên ghi ý kiến của mình vào phiếu thẩm định, trong đó cần khẳng định chương trình đào tạo đạt yêu cầu hay chưa đạt yêu cầu, những nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa). Phiếu trắng được coi là phiếu không thông qua. Chương trình được coi là đạt yêu cầu khi có 4/5 thành viên bỏ phiếu thông qua.

5. Kết luận của Hội đồng thẩm định

Toàn bộ diễn biến của phiên họp phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt là phần hỏi và trả lời, trong đó ghi đầy đủ ý kiến của các thành viên có mặt trong buổi thẩm định.

Biên bản phải được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và thư ký Hội đồng.

III. Mẫu phiếu thẩm định

PHIẾU THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO **trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ**

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định:

Chức danh trong Hội đồng thẩm định:

Tên cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định chương trình đào tạo:

Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo:

Mã số:

Trình độ đào tạo:

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo		
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo		
3	Cấu trúc chương trình đào tạo		
4	Thời lượng của chương trình đào tạo		
5	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước)		

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
6	Đề cương chi tiết của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo)		

Những ý kiến khác

Kết luận chung:.... (trong đó cần khẳng định đạt yêu cầu hay chưa, những nội dung cần bổ sung chỉnh sửa,...)

Thành viên Hội đồng thẩm định
(Ký tên)